

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ MINH KHÔI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ MINH KHÔI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH KHOI EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MKEC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107644416

3. Ngày thành lập: 23/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Ân, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
3.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Gồm có: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
4.	Sản xuất nhạc cụ	3220
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
6.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
7.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
8.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
9.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
10.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Bán buôn thực phẩm	4632

14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Gồm có: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
19.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Sản xuất rượu vang	1102
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23.	Tái chế phế liệu	3830
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
26.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
27.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Gồm có: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Gồm có: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659(Chính)
33.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
37.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
38.	Bán buôn gạo	4631
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Cho thuê xe có động cơ	7710
42.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
43.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
44.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
48.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
49.	Quảng cáo	7310
50.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
51.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
52.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
56.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
58.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
59.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
62.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
63.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Xây dựng nhà các loại	4100
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
69.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Gồm có: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;	2599
70.	Bán buôn tổng hợp	4690

71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
72.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
73.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
74.	Xây dựng công trình công ích	4220
75.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
76.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
77.	Bán buôn đồ uống	4633
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
80.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
81.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
82.	Thu gom rác thải độc hại	3812
83.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Bán mô tô, xe máy	4541
86.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
87.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
89.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
90.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
91.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
92.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG HẢI	Thôn 2, Xã Canh Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	112197201	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	CAO VĂN TÙY	Xóm 5, Xã Quỳnh Giang, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	186480378	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
3	ĐINH VIỆT TUẤN	Số 23, ngõ 1277/7 Giải phóng, tổ 8, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	0370830005 16	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112197201

Ngày cấp: 26/04/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, Xã Canh Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm An, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

